

Bản án số: 110/2023/DS-PT
Ngày 12 – 4 – 2023
V/v chia thừa kế quyền sử dụng đất

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán

Ông Huỳnh Văn Út.

Bà Châu Minh Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông
Bùi Trung Biển – Kiểm sát viên.

Ngày 26/12/2022 và ngày 12/04/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 244/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 172/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 237/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà Hồng Kim M, sinh năm: 1948;

Địa chỉ cư trú: Đường V, khóm 1, phường T, thành phố C, tỉnh C.

2/ Ông Hồng Ngọc S, sinh năm: 1962;

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C.

3/ Ông Hồng Ngọc A, sinh năm: 1952;

Địa chỉ cư trú: Số 287, đường T, khóm 5, phường 9, thành phố C, tỉnh C.; chỗ ở hiện nay: Đường K, khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh C (có mặt).

Bà M và ông S ủy quyền cho ông Hồng Ngọc A tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 06/6/2018 và ngày 13/6/2018.

- *Bi đơn*: Bà Hồng Kim H1, sinh năm: 1961 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đoàn Vinh Q - Công ty Luật TNHH Khang Linh thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh Địa chỉ: Số 33/56 đường số 5, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T, tỉnh C; Địa chỉ: Khóm 9, thị t, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn Nhận - Phó Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh huyện T, tỉnh C theo giấy ủy quyền số 292 (vắng mặt).

2/ Bà Hồng Thị Q (Hồng Kim Q), sinh năm 1963 (chết).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Quán:

- Ông Nguyễn Văn H4 (Nguyễn Văn Tùng), sinh năm 1967 (chồng)

- Anh Nguyễn Trung T2, sinh năm 1993 (con)

- Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1994 (con)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh A .. Ông H4, anh T2 và anh C ủy quyền cho ông Hồng Ngọc A tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 04/6/2018 và ngày 10/6/2021.

3/ Ông Trần Văn H2, sinh năm 1956; Địa chỉ cư trú: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C . (xin vắng mặt).

4/ Chị Trần Kim D1, sinh năm: 1982; Địa chỉ cư trú: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C .. Ủy quyền cho H2 ngày 22/3/2019

5/ Anh Trần Minh K, sinh năm: 1981; Địa chỉ cư trú: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C . (vắng mặt).

6/ Chị Trần Mỹ L, sinh năm: 1986; Địa chỉ cư trú: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C . (xin vắng mặt).

7/ Anh Trần Hoàng H3, sinh năm: 1990; Địa chỉ cư trú: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C . (có mặt).

8/ Anh Trần Hoàng D2, sinh năm: 1996; Địa chỉ cư trú: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C .. Ủy quyền cho H2 21/3/2019

9/ Chị Lý Cẩm T3, sinh năm: 1988; Địa chỉ cư trú: ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C .. Ủy quyền cho anh Trần Hoàng H3 26/3/2019.

- Người kháng cáo: Hồng Ngọc A, Hồng Ngọc S và Hồng Thị Q Hồng Kim M là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 02/6/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hồng Ngọc A trình bày:*

- Về quan hệ huyết thống: Cha và mẹ của ông là ông Hồng Văn Thương (chết 2002) và bà Huỳnh Thị Nở (chết năm 1956) sinh được 02 người con tên

Hồng Kim M và ông. Năm 1960, ông Thương chung sống với bà Huỳnh Thị Liên (chết năm 1997) sinh được 02 người con tên Hồng Ngọc S và Hồng Thị Q (chết năm 2018) có chồng là ông Nguyễn Văn H4 (Tùng) có 02 người con tên Nguyễn Trung T2 và Nguyễn Chí C

Khoảng năm 1986, ông Thương sống chung với bà Phạm Thị Tuyền (Tím) không có con chung chỉ có 01 người con nuôi tên Hồng Kim H1 khoảng 4 đến 5 tuổi.

- Về nguồn gốc di sản: Vào khoảng năm 1975, bà nội của các đồng nguyên đơn là cụ Tạ Thị Diêu (chết năm 1986) có mua phần đất diện tích 41.900m² của bà Hồng Lê Nhan, khi cụ Diêu chết cha của ông là người được hưởng thừa kế theo pháp luật nên cha của ông quản lý, sử dụng. Đến năm 1996 cha của ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông xác định đây là tài sản riêng của cha ông. Khi cha ông chết không để lại di chúc. Khi đó 04 người con gồm: Bà M, ông A, ông S và bà Quán có làm biên bản thỏa thuận để phần đất này cho bà Tuyền quản lý, hưởng hoa lợi cho đến khi bà Tuyền chết.

Khoảng năm 1971 cha ông sống với bà Tuyền cùng với bà H1 thì các con đều ở riêng. Khi bà H1 có chồng thì bà H1 cất nhà ở riêng. Cha ông với bà Tuyền không ở chung với các con, cho đến khi cha ông chết thì có nợ khoảng 12,5 chỉ vàng 24k. sau đó bà M đứng ra trả nợ thay cho cha ông bằng cách lấy phần đất này cho bà H1 thuê, lấy tiền trả nợ. Việc cho bà H1 thuê đất có làm hợp đồng. Tuy nhiên, bà H1 lấy 06 công đất cổ cho bà Hồng Thị Lâm, có xảy ra tranh chấp được Tòa án giải quyết xong. Do bà H1 không trả tiền thuê đất, bà M lấy lại đất nên xảy ra tranh chấp có yêu cầu đến chính quyền địa phương giải quyết thì các bên thỏa thuận để bà H1 làm tiếp 3 năm (2015-2017) để trả số nợ 09 chỉ vàng 24k. Năm 2018, ông A về gặp bà H1, bà H1 nói đã trả xong khoản nợ của cha ông và ông yêu cầu lấy lại đất để chia thừa kế, chia điều cho 5 thành viên thì bà H1 không đồng ý nên xảy ra tranh chấp.

Nay các đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế cho 5 thành viên, yêu cầu chia điều có tiền có hậu, mỗi người 8.380m². Phần đất giáp với ông Võ Trường Giang chia lại cho bà H1; phần kế tiếp chia cho ông, có khu mộ của cha mẹ để tiện chăm sóc; kế tiếp chia cho bà M; kế tiếp chia cho anh T2, anh C; kế tiếp chia cho ông S giáp đất bà Hồng Thị Lâm. Đối với cây trái trên đất phần của ai thì người đó hưởng.

Đối với căn nhà vách ván nền đất cột cây gỗ của bà H1 thì di dời đi vì trước đây bà Tuyền có hỏi ông cất nhà và sửa chữa để ở, việc bà Tuyền có hỏi mượn một số tiếp lô xi măng sau khi di dời thì phần này trả lại cho bà M.

Đối với yêu cầu phản tố của bà H1, ông không đồng ý. Theo ông bà H1 không có công sức đóng góp gìn giữ, cải tạo gì đến phần đất này. Đất này hiện nay bà H1 quản lý toàn bộ.

Đối với khoản tiền vay Ngân hàng N- Chi nhánh huyện T vào ngày 14/4/2004, số tiền 28.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 05/7/2022 là 119.597.333 đồng. Yêu cầu bà H1 có nghĩa vụ trả.

** Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 16/7/2018 và tại phiên tòa bà Hồng Kim H1*

trình bày:

Ông Thương sống chung với bà Tuyền từ năm 1968, lúc đó bà khoảng 8 tuổi. Về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Khoảng năm 1976, ông Thương với bà Tuyền mua phần đất này của bà Hồng Lệ Nhan với giá 750.000 đồng, có bà Lê Thị Huệ chứng kiến, ông Thương và bà Tuyền quản lý, sử dụng đến ngày 08/3/1994 ông Thương và bà Tuyền có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/02/1996, theo hồ sơ thể hiện cấp cho hộ gia đình tại thời điểm cấp có 7 nhân khẩu nên phản tố đối với yêu cầu của các đồng nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

Do ông Thương và bà Tuyền chết không để lại di chúc nên yêu cầu chia theo pháp luật. Tài sản thừa kế là diện tích đất 41.900m² đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C .. Chia làm 02 phần của ông Thương và bà Tuyền là tài sản chung.

Phần của bà giáp với đất ông Giang đo qua ngang 52m, cấp phần đất bà được hưởng chùa đường đi chiều ngang 4m chạy thẳng ra sau hậu để làm lối đi ra phần đất được chia; phần còn lại chia điều từ ngoài sông chạy vào cho từng người còn lại (bản vẽ kèm theo) phần khu mộ giữ nguyên hiện trạng cho các bên đến thăm nom chăm sóc.

Phần còn lại của ông Thương chia cho 4 kỹ phần gồm: Bà M, ông A, ông S, bà Quán (Tính, Cương) là người thừa kế thế vị của bà Quán.

Đối với yêu cầu công sức đóng góp, gìn giữ 16 năm = 80.000.000 đồng thì bà H1 xin rút lại. Đối với cây trồng trên đất không yêu cầu xem xét.

Đối với việc vay tiền Ngân hàng nông nghiệp tính đến nay khoản tiền 100.000.000 đồng thì buộc các nguyên đơn phải liên đới trả.

** Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 06/7/2022 của Ngân hàng N-Chi nhánh huyện T và tại phiên tòa ông Đỗ Văn Nhận trình bày:* Ông xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập xác định ngày 04/4/2004, bà Phạm Thị Tuyền (Tím) có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 28.000.000 đồng và có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0127258, diện tích 41.900m², cấp cho hộ ông Hồng Văn Thương vào ngày 20/02/1996. Do bà Tuyền đứng ra vay theo giấy đề nghị vay vốn xác định thành viên trong hộ gia đình có bà Hồng Kim H1. Nay bà Tuyền chết nên buộc bà H1 có nghĩa vụ trả khoản nợ trên cho ngân hàng. Tính đến ngày 05/7/2022, tổng số tiền 119.597.333 đồng. Tại phiên tòa ông Đỗ Văn Nhận đại diện cho ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N-Chi nhánh huyện T thống nhất để bà Hồng Kim H1 có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Tính đến ngày 05/7/2022, tổng số tiền 119.597.333 đồng (trong đó gốc 28.000.000 đồng, lãi trong hạn 62.122.667 đồng, lãi quá hạn 29.474.667 đồng).

** Tại biên bản hòa giải ngày 27/3/2019:* ông Trần Minh Hạ, anh Trần Minh K, chị Trần Mỹ L và anh Trần Hoàng H3 thống nhất nội dung trình bày của bà H1 không có ý kiến gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 172/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồng Kim M, ông Hồng Ngọc A, ông Hồng Ngọc S về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Hồng Văn Thương đối với phần đất có tổng diện tích 15.086m^2 theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 02/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời tại các thửa số 375, 374 và 129, tờ bản đồ số 03; đất tọa lạc tại Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C.

Buộc bà Hồng Kim H1 giao lại một phần đất trồng cây lâu năm và phần đất trồng lúa để phân chia thừa kế cho các thửa kế của ông Thương được hưởng kỷ phần cụ thể như sau:

Bà Hồng Kim M được nhận phần đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa có diện tích $3.777,9\text{m}^2$. Mặt tiền hướng nam tiếp giáp với lộ xi măng hiện hữu, kích thước 8,07m, mặt hậu phía bắc tiếp giáp với phần đất của ông Trần Văn Hẹ kích thước 6,57m. Phía tây tiếp giáp với phần đất bà Hồng Thị Lâm chiều dài kích thước 545,48m, phía đông tiếp giáp với phần đất chia cho ông Hồng Ngọc A chiều dài kích thước 544,1m (thuộc một phần các thửa số 375, 374 và 129).

Ông Hồng Ngọc A được nhận phần đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa có diện tích $3.771,8\text{m}^2$. Mặt tiền hướng nam tiếp giáp với lộ xi măng hiện hữu, kích thước 8,07m, mặt hậu phía bắc tiếp giáp với phần đất của ông Trần Văn Hẹ kích thước 6,57m. Phía tây tiếp giáp với phần đất bà Hồng Kim M được nhận, phía đông tiếp giáp với phần đất chia cho ông Hồng Ngọc S chiều dài kích thước 542,71m (thuộc một phần các thửa số 375, 374 và 129).

Ông Hồng Ngọc S được nhận phần đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa có diện tích $3.764,7\text{m}^2$. Mặt tiền hướng nam tiếp giáp với lộ xi măng hiện hữu, kích thước 8,07m, mặt hậu phía bắc tiếp giáp với phần đất của ông Trần Văn Hẹ kích thước 6,57m. Phía tây tiếp giáp với phần đất bà Hồng Ngọc A được nhận, phía đông tiếp giáp với phần đất chia cho anh Nguyễn Trung T2 và anh Nguyễn Chí C chiều dài kích thước 541,33m (thuộc một phần các thửa số 375, 374 và 129).

Anh Nguyễn Trung T2, anh Nguyễn Chí C được nhận phần đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa có diện tích $3.769,35\text{m}^2$. Mặt tiền hướng nam tiếp giáp với lộ xi măng hiện hữu, kích thước 8,09m, mặt hậu phía bắc tiếp giáp với phần đất của ông Trần Văn Hẹ kích thước 6,6m. Phía tây tiếp giáp với phần đất bà Hồng Ngọc S được nhận, phía đông tiếp giáp với phần đất chia cho bà Hồng Kim H1 chiều dài kích thước 539,95m (thuộc một phần các thửa số 375, 374 và 129).

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồng Kim M, ông Hồng Ngọc A, ông Hồng Ngọc S về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Hồng Văn Thương đối với phần đất có tổng diện tích 19.597m^2

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Hồng Kim H1 về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Hồng Văn Thương và bà Phạm Thị Tuyền. Phần đất có diện tích $27.907,6\text{m}^2$. Mặt tiền phía nam tiếp giáp với lộ xi măng hiện hữu, chiều ngang kích thước 55,20m, mặt hậu phía bắc giáp với phần đất của ông Nguyễn Văn Lũy, kích thước 54,40m; phía tây tiếp giáp với phần đất của anh T2, anh C được nhận, cạnh dài 539,95m. Phía đông tiếp giáp với phần đất bà Nguyễn Thị Hương, cạnh dài kích thước 532,74m. (thuộc thửa số 130, một phần các thửa số 375, 374 và

129). Trong diện tích đất có khu mồn mã 508m² có đường đi vào khu mồn mã ngang 3m từ lộ xi măng đến khu mồn mã. Giao cho bà Hồng Kim H1 quản lý thờ cúng.

(Kèm theo mảnh trích đo địa chính số 62-2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời lập ngày 02/5/2019; BL: 323).

Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bà Hồng Kim H1 về việc yêu cầu buộc các đồng nguyên đơn trả công sức đóng góp, gìn giữ số tiền 80.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam về việc yêu cầu bà Hồng Kim H1 trả số tiền 119.597.333 đồng. Buộc bà Hồng Kim H1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N, số tiền 119.597.333 đồng (Trong đó gốc 28.000.000 đồng, lãi trong hạn 62.122.667 đồng, lãi quá hạn 29.474.667 đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc thẩm định, định giá, án phí quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/7/2022 đại diện các nguyên đơn ông Hồng Ngọc A kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bác toàn bộ phản tố của bị đơn; Phần mồn mã phải giao cho phía nguyên đơn cụ thể giao cho ông hoặc tách riêng và xin được nhận khu mồn mã theo hiện vật, nếu việc chia đất có chênh lệch phần của ông bị thiếu ông vẫn đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Hồng Ngọc A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bà Hồng Kim H1 yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên theo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ thể hiện tại hồ sơ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 172/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại cấp sơ thẩm bà Hồng Kim H1 có đơn yêu cầu rút lại nội dung yêu cầu tiền công sức cải tạo, gìn giữ mồn mã. Do đó cấp sơ thẩm Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Bà Hồng Kim H1 là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Hồng Ngọc A còn trong thời hạn luật định. Tuy ông Hồng Ngọc A là đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn và người liên quan là anh T2 và anh C, nhưng tại đơn kháng cáo chỉ ghi tên ông Hồng Ngọc

A là người yêu cầu kháng cáo là đồng nguyên đơn và cũng là người đại diện theo ủy quyền. Thực tế trong vụ án các nguyên đơn gồm ông Hồng Ngọc A, ông Hồng Ngọc S và bà Hồng Kim M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh T2, anh C, ông H4 đã ủy quyền cho ông Hồng Ngọc A tham gia tố tụng. Bà M và ông A, ông S thuộc trường hợp được miễn án phí. Cấp sơ thẩm không làm rõ anh T2, anh C có kháng cáo không, mà chỉ làm thông báo về việc miễn dự nộp án phí cho ông Hồng Ngọc A là có thiếu sót không chính xác.

[3] Về nội dung kháng cáo. Ông Hồng Ngọc A xác định nguồn gốc phần đất di sản thừa kế là của ông Hồng Văn Thương là của cụ nội ông là bà Tạ Thị Diêu để lại cho ông Hồng Văn Thương. Theo đo đạc thực tế ngày 03/3/2023 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau thể hiện diện tích là 42.637,9m², trên phần đất có một căn nhà, cây gỗ địa phương, nền đất, vách ván cao su, mái lợp túp lô đã cũ, ngôi nhà này có ngôn gốc của cụ Thương. Khi cụ Diêu chết, ông Hồng Văn Thương được hưởng thừa kế, nên cha của ông quản lý, sử dụng. Đến năm 1996 cha của ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định nguồn gốc đất của phụ âm, do đó đây là tài sản riêng của cha ông.

[4] Về hàng thừa kế của ông Thương có 4 người con gồm: Bà Mến, ông A, ông S, bà Quán (Bà Quán chết có người con là Trung và Tính). Bà Hồng Kim H1 là con nuôi của bà Phạm Thị Tuyến (tên khác Tím). Nay yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà H1 tháo dỡ di dời căn nhà trả lại mặt bằng đất và chia thừa kế phần đất 5 kỷ phần bằng nhau. Giao cho ông trực tiếp chăm sóc phần khu mộ. Đối với khoản tiền vay Ngân hàng nông Nghiệp bà H1 phải có trách nhiệm tự thanh toán vì tiền này bà H1 là người trực tiếp sử dụng.

Bị đơn bà Hồng Kim H1 cho rằng di sản để chia thừa kế là phần đất 42.637,9m² là tài sản chung của ông Thương và bà Tuyến. Ông Thương, bà Tuyến là vợ chồng chết không để lại di chúc, bà là con nuôi riêng của bà Tuyến nên được hưởng 50% khối di sản của bà Tuyến và 1 kỷ phần của ông Thương. Đồng thời yêu cầu trách nhiệm của những người hưởng thừa kế phải trả nợ Ngân hàng. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện đã thế chấp cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T.

Xét thấy ông Thương và bà Nở là vợ chồng sinh ra hai người con là bà Hồng Kim M và ông Hồng Ngọc A. Bà Nở chết năm 1956. Đến năm 1960 ông Thương chung sống với bà Huỳnh Thị Liên (Chết năm 1997) và có hai người con (Hồng Ngọc S và Hồng Kim Quán (tên khác Quán)). Hôn nhân này hoàn toàn hợp pháp, hai người tự chấm dứt hôn nhân không rõ thời gian nào. Khoảng năm 1971 ông Thương chung sống với bà Phạm Thị Tuyến không có con chung (Bà Tuyến có người con nuôi tên Hồng Kim H1). Ông Thương chết 2002, bà Tuyến chết năm 2012 không để lại di chúc.

Cấp sơ thẩm căn cứ lời khai của bà Hồng Lệ Nhan là người bán đất, cho là do ông Thương, bà Tím cùng đến mua đất vào năm 1976, khi mua đất không có giấy tờ gì chứng minh, nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng mỗi người

hưởng 50%. Bà H1 là con nuôi bà Tuyền nên được hưởng thừa kế của bà Tuyền và hưởng 1 kỷ phần của ông Thương.

[5] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ, quá trình giải quyết thu thập được xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được cấp cho ông Hồng Văn Thương vào ngày 20/02/1996. Thực tế trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ cấp đất được lưu trữ, chỉ ghi cấp cho ông Hồng Văn Thương hoàn toàn không ghi cấp cho hộ như bà H1 trình bày và cũng không có tên bà Nguyễn Thị Tuyền (Tím). Tại tờ khai của địa phương thì có ghi 07 nhân khẩu, nguồn gốc đất của phụ âm. Thời điểm cấp giấy bà Liên là người vợ thứ hai hợp pháp của ông Thương vẫn còn sống, hiện nay do bà Liên chết nên không xem xét.

Theo lời khai bà Hồng Lệ Nhan cho là năm 1976 ông Thương, bà Tím cùng đến mua, nhưng không có chứng cứ giấy tờ chứng minh. Nguồn tiền mua đất là của ai không thể hiện. Tại lời khai ngày 20/3/2019 bà Hồng Lệ Nhan cho là bà chuyển nhượng đất cho ông Thương, bà Tuyền. Tại lời khai ông Mạc Thanh Hùng sinh năm 1947 là người láng giềng sống lâu năm gần phần đất tranh chấp thừa kế, xác định là do cụ Diêu bán đất tại Kinh Hậu đưa tiền cho ông Thương mua của bà Nhan. Tờ tường thuật của bà Lê Thị Nhan xác định bà có mua phần đất tại Kinh Hậu của ông Thương, bà Tuyền. Nhưng qua chứng minh nguồn gốc phần đất Kinh Hậu là của cụ Diêu không phải là của ông Thương, bà Tuyền. Thời điểm này ông Thương, bà Tuyền sống chung với cụ Diêu. Bị đơn cho là đơn xin cấp giấy phân ghi quê quán có ghi bằng chữ viết tay “vợ Nguyễn Thị Tím” nên phần đất này là tài sản chung của vợ chồng. Xét thấy đơn xin cấp giấy CNQSD đất không có chữ ký của bà Tuyền. Căn cứ đơn xin cấp giấy CNQSD đất, nguồn gốc đất ghi là phụ âm và Giấy chứng nhận QSD Đất đứng tên ông Hồng Văn Thương. Tại Công văn số 1808/STNMT ngày 08/7/2021 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Cà Mau trả lời cho Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời. “Căn cứ danh sách cá nhân được cấp giấy chứng nhận QSD đất có tên trong danh sách kèm theo thì ông Hồng Văn Thương có tên trong danh sách đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó có căn cứ xác định phần đất này nguồn gốc của phụ âm ông Thương để lại cho ông Hồng Văn Thương không phải là tài sản chung của ông Thương, bà Tuyền có được. Cấp sơ thẩm chia tài sản chung của vợ chồng như trường hợp bà Tuyền còn sống mỗi người hưởng 50% là chưa có căn cứ.

[6] Hiện nay, bà Nờ, bà Liên, bà Tuyền đều đã chết, cho nên các con của ông Thương là hàng thừa kế còn lại gồm bà M, bà Quán, ông A, ông S. Đối với bà Hồng Kim H1 là con nuôi của bà Phạm Thị Tuyền. Song, không có giấy tờ hộ tịch chứng minh việc bà Tuyền nhận con nuôi, thực tế bà H1 có thời gian chung sống với ông Thương và bà Tuyền từ thuở nhỏ, bà H1 là con ruột của bà Hồng Lệ Nhan cho bà Tuyền nhận làm con nuôi. Việc cấp giấy khai sinh cho bà H1 là sau khi có tranh chấp thừa kế xảy ra. Tại tờ xác nhận ngày 30/5/2018 bà H1 xác định bà là con ruột của ông Thương và bà Tuyền. Chính quyền địa phương xác nhận ông Thương và bà Tuyền là cha, mẹ ruột của bà H1. Ông Thương, bà Tuyền sống chung từ năm 1968 đến khi chết. Việc xác nhận này là hoàn toàn mâu thuẫn và không có cơ sở. Vì theo bà H1 thừa nhận bà là con nuôi riêng của bà Tuyền, khai sinh thể hiện bà H1 sinh năm 1961. Thực tế trước 1975 ông Thương thoát ly là Công an quân giới của Quân khu 9 (theo bản khai lý lịch công tác). Tháng 11/1971

ông mới về địa phương là Công an xã Khánh Hưng và chung sống cùng cụ Tạ Thị Diêu và bà Tuyên.

Năm 1980 bà H1 có chồng và ở riêng. Năm 1993 ông Thương có mua một phần đất của ông Hồng Phi Hồ để cho bà H1 $9.720m^2$, cho ông S $9.720m^2$, có thể hiện sổ mục kê riêng biệt với ông Thương, ông S. Sau đó bà H1 không canh tác mà chuyên nhượng lại cho ông Hồng Ngọc S. Năm 2000 thấy bà H1 nghèo khó nên ông Thương cho mượn 6 công đất canh tác tại phần đất $43.063,2m^2$ bà H1 tiếp tục đi thuê cho bà Hồng Kim Lâm, ông Trần Văn Ngươn việc này cũng đã được giải quyết tại Tòa án huyện Trần Văn Thời. Như vậy chứng minh bà H1, ông S cũng đã được ông Thương cho đất.

Năm 2002 ông Thương chết, bà H1 và chồng là Trần Văn H2 về ở chung với bà Tuyên (Tím). Năm 2014 bà H1, cùng chồng là ông H2 thuê lại phần đất này, việc thuê có ký hợp đồng với bà Hồng Kim M đại diện các nguyên đơn (BL 92, 93) để lấy tiền trả nợ ông Thương, bà Tím lúc còn sống. Năm 2015 có tranh chấp hợp đồng thuê đất với bà M được chính quyền giải quyết và cho bà H1 thuê tiếp lấy tiền trả nợ đến năm 2015 anh em tranh chấp chia thừa kế. Tại Biên bản hòa giải ngày 04/6/2015 UBND xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời thì bà H1 đồng ý chia 5 kỷ phần nhưng có yêu cầu thêm phần công sức đóng góp cải tạo. Đối với phần nợ thì các con chia đều ra.

Xét thấy giữa bà H1 và ông Thương, bà Tuyên là quan hệ con nuôi riêng của vợ và cũng là bố dượng, có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian dài như cha con. Cho nên theo lẽ công bằng, bà H1 vẫn được quyền hưởng di sản thừa kế như các con ông Thương là phù hợp.

[7] Căn cứ vào Bản trích đo vẽ ngày 03/3/2023 thì phần đất chia thừa kế có diện tích $42.637,9m^2$. Chiều ngang mặt tiền giáp lộ bê tông $2.5m$ là $86,1m$, ngang mặt hậu là $81,50m$ trên đất có khu mộ (10 ngôi mộ), hiện tại lối vào mộ có vị trí giáp căn nhà của bà Hồng Kim H1 đang ở. Nguồn gốc căn nhà này là nền nhà cũ của ông Thương và bà Tuyên ở, Bà H1 đến sửa chữa và sinh sống đến nay, kết cấu nhà cột cây gỗ địa phương, nền đất vách ván gỗ, mái lợp túp lô. Căn cứ chứng thư thẩm định giá: Nhà trị giá là $120.870.000đ$; Cây trồng trên đất là $249.145.000đ$; Quyền sử dụng đất $1.515.782.000đ$. Tổng cộng $1.885.797.000đ$. Căn cứ vào các phân tích trên có cơ sở di sản thừa kế của ông Hồng Văn Thương để lại là phần đất có diện tích là $42.637,9m^2$. Hàng thừa kế của ông Thương có 5 người gồm: Bà M, ông A, ông S, bà Quán và bà Hồng Kim H1 nên được chia 5 kỷ phần.

Do diện tích di sản phần đất không ngay thẳng, trên đất có khu mộ và lối đi vào mộ diện tích là $470,2m^2$ và có căn nhà diện tích là $124,2m^2$. Xét thấy khu mộ phải có lối đi vào để cúng kiến chăm nom và là của chung hương hỏa của các thừa kế. Do đó cần tách khu mộ và lối đi để làm phần hương quả chung cho các thừa kế. Đối với căn nhà cây gỗ, vách ván, nền đất nguồn gốc của ông Thương, bà Tuyên loại nhà không kiên cố. Hiện bà H1 đang ở, cho nên buộc bà H1 có trách nhiệm tháo dỡ di dời căn nhà, giao phần đất lại để chia thừa kế.

Căn cứ vào công văn yêu cầu của Tòa án tỉnh Cà Mau về việc cung cấp số đo kích thước chi tiết phần đất để thuận tiện cho việc chia kỷ phần. Ngày

29/3/2023 Trung tâm- Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường đã cung cấp bản vẽ hiện trạng kích thước khu mộ, lối đi vào khu mộ thể hiện có chiều ngang 3m, diện tích nhà và từng thửa đất cho các đồng thừa kế cụ thể như sau: Bà Hồng Kim M được nhận phần đất số LUC/4 giáp phần đất Hồng Thị Lâm; Hồng Ngọc S được nhận phần đất số LUC/5; Bà Hồng Thị Q được nhận phần đất số LUC/6; ông Hồng Ngọc A được nhận phần đất số LUC/7; bà Hồng Kim H1 được nhận phần đất số LUC/8 giáp phần đất ông Võ Trường Giang. (theo bản vẽ ngày 29/3/2023)

[8] Đối với bà Hồng Kim Quán đã chết người thừa kế thế vị là anh T2, và anh C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án và đã ủy quyền cho ông Hồng Ngọc A tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án không có đơn yêu cầu độc lập và không dự nộp tạm ứng án phí. Tại tòa ông Hồng Ngọc A yêu cầu được nhận quản lý. Xét thấy ông Hồng Ngọc A chỉ là người được ủy quyền tham gia tố tụng của anh T2, anh C. Anh T2, anh C không có văn bản, nếu được nhận kỷ phần thì giao lại cho ông A quản lý. Về thừa kế thì anh T2, anh Cường là người thừa kế thế vị kỷ phần của bà Quán cho nên giao anh T2 và anh C kỷ phần của bà Quán.

Đối với phần đất khu mộ và đường đi vào mộ diện tích là 470,2m² theo Bản vẽ hiện trạng ngày 29/3/2023 thể hiện từ các điểm C, N8, C2, C1, M10, M11, M12, C3. Về vị trí nằm cắt ngang phần đất ông Hồng Ngọc A được nhận thừa kế. Theo bản vẽ ngày 03/3/2023 bà H1 yêu cầu lối vào mộ 3m đường đi khúc khuỷu và sẽ gây khó khăn ảnh hưởng cho các thừa kế khi nhận kỷ phần thừa kế, cho nên phần đất này được tách ra làm phần hương quả và thuộc quyền sử dụng chung của các thừa kế được tính từ ranh giới giữa bà H1 và ông Hồng Ngọc A theo như bản vẽ ngày 29/3/2023 là phù hợp. Vì đây là khu đất hương hỏa của thân tộc nên không thể giao cho bất cứ cá nhân nào mà thuộc quyền sử dụng chung của thân tộc. Đồng thời xét về huyết thống nên giao cho ông Hồng Ngọc A là trưởng nam trực tiếp, chăm sóc. Các thừa kế của ông Thương và con cháu được quyền đến thăm nom, chăm sóc không ai được ngăn cản.

[9] Đối với Ngân hàng N-Chi nhánh huyện T. Tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng và bị đơn là bà H1 đồng ý để bà H1 tiếp tục đứng ra thanh toán nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 05/7/2022, tổng số tiền 119.597.333 đồng. Xét thấy cấp sơ thẩm chỉ buộc nghĩa vụ trả nợ mà không xem xét hợp đồng thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xử lý tài sản thế chấp là chưa đúng. Việc vay tiền có thể chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hồng Văn Thương. Khi ký hợp đồng thế chấp vay tiền do bà Phạm Thị Tuyến ký kết, thành viên hộ là bà Hồng Kim H1, thể hiện ngày 14/04/2004 số tiền vay vốn là 28.000.000đ. Tại giấy xác nhận của Ngân hàng ngày 09/5/2016 thành viên thừa kế trong gia đình là bà Hồng Kim H1. Từ khi vay đến nay không ai trả vốn và lãi. Người vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nhưng Ngân hàng không khởi kiện từ năm 2005 đến nay, đến khi phát sinh thừa kế mới có yêu cầu độc lập. Khi vay có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên của ông Hồng Văn Thương. Ông Thương chết năm 2002 trước khi vay và thế chấp, lẽ ra Ngân hàng phải yêu cầu những người thừa kế của ông Thương ký xác nhận việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đúng qui định pháp luật đất đai khi giao dịch và để

đảm bảo việc xử lý tài sản thế chấp khi người vay không thực hiện trả nợ, do việc thế chấp này không đúng qui định nên hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà Tuyền với Ngân hàng là vô hiệu, cho nên Ngân hàng phải có nghĩa vụ giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế của ông Thương là Bà M, ông S, ông Ngọc Anh, bà Quán và bà H1 để chia thừa kế. Đối với khoản nợ vay khi vay bà Tuyền ký tư cách hộ, thành viên của hộ là bà Hồng Kim H1, mục đích vay sản xuất nông nghiệp, bà H1 sống chung bà Tuyền. Cho nên buộc bà H1 có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng là phù hợp pháp luật.

Từ các phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn về việc chia thừa kế 05 kỷ phần, nên sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

[10] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 172/2022/DS-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là chưa phù hợp với các phân tích trên.

[11] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí thẩm định, định giá tài sản ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm là 18.911.000đ. Mỗi thừa kế phải chịu là 3.782.000đ.

Ông Hồng Ngọc A có nộp số tiền 13.411.000đ (chi phí thẩm định 1.000.000 đồng, chi phí đo đạc 4.498.000 đồng và 7.913.000đ). Bà Hồng Kim H1 có dự nộp chi phí định giá 5.500.000 đồng.

Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên Bà M, ông S, Bà Quán (Tính, Cương) mỗi người phải hoàn trả lại cho ông Hồng Ngọc A số tiền 3.782.000đ. Bà H1 phải chịu 3.782.000đ, bà H1 đã nộp 5.500.000đ, đối trừ ông Hồng Ngọc A phải hoàn lại cho bà 1.718.000đ.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồng Kim M, ông Hồng Ngọc A, ông Hồng Ngọc S thuộc trường hợp được miễn. Bà Hồng Kim H1 được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T không phải nộp. Bà H1 và Ngân hàng được nhận lại tiền án phí đã dự nộp. Anh Nguyễn Trung T2 và anh Nguyễn Chí C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.700.000đ.

[13] Án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn không phải nộp thuộc trường hợp được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của ông Hồng Ngọc A, Hồng Kim M, Hồng Ngọc S.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 172/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồng Kim M, ông Hồng Ngọc A, ông Hồng Ngọc S về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Hồng Văn Thương đối với phần đất có tổng diện tích 42.637,9m² theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 03/3/2023 của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau. Tại các thửa số 375, 374 và 129, tờ bản đồ số 03; đất tọa lạc tại Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C.

Buộc bà Hồng Kim H1 tháo dỡ kiến trúc căn nhà cây gỗ, mái túp lô, nền đất, vách gỗ, diện tích căn nhà 124,2m² nằm trên phần đất thừa kế. Giao lại phần đất trồng cây lâu năm và phần đất trồng lúa tổng diện tích 42.637,9m² để phân chia thừa kế cho các thừa kế của ông Thương gồm: Bà M, ông A, ông S bà Quán (do Tính và Cương nhận) bà H1. Mỗi người được hưởng kỹ phần cụ thể như sau:

Bà Hồng Kim M được nhận phần đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa có diện tích 8.622,6m². Mặt tiền hướng nam tiếp giáp với lộ xi măng hiện hữu, kích thước 17m từ điểm M19 đến N5, mặt hậu phía bắc tiếp giáp với phần đất của ông Trần Văn Hẹ (Trần Văn Sóm) kích thước 16,30m (M1,N1). Phía tây tiếp giáp với phần đất bà Hồng Thị Lâm chiều dài từ điểm M19, M20 đến M1 kích thước 543,74m, phía đông tiếp giáp với phần đất chia cho ông Hồng Ngọc S từ điểm N5, N14 đến N1 kích thước 541,43m (Theo bản vẽ hiện trạng của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau ngày 29/3/2023 phần đất LUC 4+CLN 15)

Ông Hồng Ngọc S được nhận phần đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa có diện tích 8.559,4m². Mặt tiền hướng nam tiếp giáp với lộ xi măng hiện hữu, kích thước 17m từ điểm N5 đến N6; mặt hậu phía bắc tiếp giáp với phần đất của ông Trần Văn Hẹ (Trần Văn Sóm) kích thước 16,30m (N1,N2). Phía tây tiếp giáp với phần đất Hồng Kim M được nhận từ điểm N5, N14 đến N1 kích thước 541,43m, phía đông tiếp giáp với phần đất chia cho bà Hồng Thị Q (do anh Nguyễn Trung T2 và anh Nguyễn Chí C) từ điểm N6, N13 đến N2 kích thước 538,87m. (Theo bản vẽ hiện trạng của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau ngày 29/3/2023 phần đất LUC 5 + CLN 14)

Bà Hồng Thị Q (Anh Nguyễn Trung T2, anh Nguyễn Chí C) được nhận phần đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa có diện tích 8.430,7m². Mặt tiền hướng nam tiếp giáp với lộ xi măng hiện hữu, kích thước 17m N6,N7 mặt hậu phía bắc tiếp giáp với phần đất của ông Nguyễn Văn Lũy kích thước 16,30m. (từ điểm N2,N3) Phía tây tiếp giáp với phần đất Hồng Ngọc S được nhận từ điểm N6, N13 đến N2 kích thước 538,87m, phía đông tiếp giáp với phần đất chia cho Hồng Ngọc A và khu mộ chiều dài từ điểm N7, N12, M12, M11, N11, N10 đến N3 (Theo bản vẽ hiện trạng của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau ngày 29/3/2023 phần đất LUC 6+ CLN 13).

Ông Hồng Ngọc A được nhận phần đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa có diện tích 8.079,6m². Mặt tiền hướng nam tiếp giáp với lộ xi măng hiện hữu, kích thước 14,14m (các điểm N7, M17, C) mặt hậu phía bắc tiếp giáp với phần đất của ông Nguyễn Văn Lũy kích thước 16,30m (từ điểm N3,N4). Phía tây tiếp giáp với phần đất ông Nguyễn Trung T2, Nguyễn Chí Cường từ các điểm N7, N12,M11,M12, N11, N10 đến N3, phía đông tiếp giáp với đường đi vào mộ 3 m từ

điểm C đến điểm C3, N12, C2, N9 đến N4 và giáp phần đất chia cho bà Hồng Kim H1. (Theo bản vẽ hiện trạng của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau ngày 29/3/2023 phần đất LUC 7+10+12)

Bà Hồng Kim H1 được nhận phần đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa có diện tích 8.475,4m². Mặt tiền hướng nam tiếp giáp với lộ xi măng hiện hữu, kích thước 17m (N8, M16, M5, M4), mặt hậu phía bắc tiếp giáp với phần đất của ông Nguyễn Văn Lũy kích thước 16,30m (N4,M2). Phía tây tiếp giáp với các điểm N8,C2,N9, đến N4 kích thước 533,42 giáp phần đất ông Hồng Ngọc A được nhận và đường đi vào khu mộ chiều ngang 3m, phía đông tiếp giáp với phần đất ông Võ Trường Giang từ điểm M4, M3 đến M2 chiều dài 531,26m. (Theo bản vẽ hiện trạng ngày 29/3/2023 Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau phần đất LUC 8+CLN 9)

Giao phần đất (Thửa 11) khu mộ và đường vào mộ ngang 3 m từ lộ xi măng đến khu mộ, tổng diện tích 470,2m². Từ các điểm C, C3, M11,M10, C1,C2, N8 cho ông Ngọc Hồng Anh trực tiếp chăm sóc, làm nơi hương hỏa cho thân tộc. Các con cháu đều có quyền đến thăm nom, chăm sóc, cúng kiếng, không ai được ngăn cản. (Kèm theo bản vẽ hiện trạng ngày 29/3/2023 của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau).

(Kèm theo bản vẽ hiện trạng ngày 29/3/2023 của Trung tâm kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau).

Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bà Hồng Kim H1 về việc yêu cầu buộc các đồng nguyên đơn trả công sức đóng góp, gìn giữ số tiền 80.000.000 đồng.

Hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/3/2004 giữa Ngân hàng nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam và bà Phạm Thị Tuyền vô hiệu. Ngân hàng N phải trả cho các thừa kế của ông Thương gồm: Bà M, ông A, ông S, bà Quán (anh T2, anh C), bà H1 (Do ông Hồng Ngọc A đứng ra nhận) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0127258 diện tích 41.900m² ấp Đá Bạc B, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời đứng tên của ông Hồng Văn Thương do UBND huyện Trần Văn Thời cấp ngày 20/02/1996 để các thừa kế của ông Thương gồm: Bà M, ông A, ông S, bà Quán (ông T2, anh C) bà H1 đăng ký quyền sử dụng đất theo luật định.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc tách thửa sang tên theo quy định.

Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng. Buộc bà Hồng Kim H1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N, số tiền 119.597.333 đồng (Trong đó vốn gốc 28.000.000 đồng, lãi trong hạn 62.122.667 đồng, lãi quá hạn 29.474.667 đồng).

Kể từ ngày 06/7/2022, bà Hồng Kim H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 14/4/2004 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tính dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Tổ chức tín dụng cho vay theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Tổ chức tín dụng cho vay.

2. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Cấp sơ thẩm và phúc thẩm tổng cộng số tiền 18.911.000đ. Ông Hồng Ngọc A có nộp số tiền thẩm định và chi phí đo đạc 13.411.000đ. Bà Hồng Kim H1 có nộp chi phí định giá 5.500.000đ. Bà M, ông A, ông S, Bà Quán (Tính, Cương), bà H1 mỗi người phải chịu là 3.782.000đ. Bà M, ông S, Bà Quán (Tính, Cương), mỗi người phải hoàn trả lại cho ông Hồng Ngọc A số tiền 3.782.000đ. Ông Hồng Ngọc A phải hoàn lại cho bà Hồng Kim H1 số tiền 1.718.000đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồng Kim M, ông Hồng Ngọc A, ông Hồng Ngọc S không phải nộp, thuộc trường hợp được miễn. Ngày 15/6/2018 bà M có dự nộp 4.190.000 đồng (lai thu số 0008289); ông A có dự nộp 4.190.000 (lai thu số 0008290); ông S có dự nộp số tiền 4.190.000 đồng (lai thu số 0008291) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được nhận lại. Anh Nguyễn Trung T2 và anh Nguyễn Chí C phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.700.000đ. (Chưa nộp)

Bà Hồng Kim H1 không phải nộp, thuộc trường hợp được miễn án phí. Ngày 25/7/2018, bà H1 có dự nộp số 7.386.000 đồng lai thu số 0008473 tại Chi cục thi hành án huyện Trần Văn Thời được nhận lại. Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T không phải nộp. Ngày 07/7/2022 đã tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 2.990.000 đồng lai thu số 0005105 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn không phải chịu. Thuộc trường hợp được miễn án phí.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Hùng Quang